

Số: 40 /2024/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công Nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Công TTĐT Trà Vinh;
- Lưu VT, Phòng CNXD. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

QUY CHẾ

Quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số **40** /2024/QĐ-UBND ngày **22** tháng **11** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, gồm: chuyển giao công nghệ; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Đối tượng công nghệ, danh mục công nghệ, hình thức, phương thức và nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, hình thức chuyển giao công nghệ, phương thức chuyển giao công nghệ, nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 23 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 76/2018/NĐ-CP).

Chương II **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Điều 4. Đăng ký chuyển giao công nghệ và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ và phần chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 thuộc một trong

những trường hợp sau đây phải đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:

a) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thông qua thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;

b) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công; dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp phải có quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trường hợp tự nguyện đăng ký theo khoản 2 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước và trường hợp tự nguyện đăng ký theo khoản 2 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 đối với chuyển giao công nghệ trong nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ: Thực hiện theo khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

Điều 5. Hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ có hiệu lực kể từ ngày cấp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại

Điều 7 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

Đối với công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, nếu các bên có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì gửi hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

Điều 7. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn về tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Chương III THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 8. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ được quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Trường hợp triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quy chế này;

b) Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực) được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế này;

c) Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Thực hiện theo Điều 17 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

c) Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư: Thực hiện theo Điều 18 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thì thời hạn thẩm định thiết kế công nghệ được tính trong thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 10. Thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư, thực hiện như sau:

a) Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

b) Phiếu thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN).

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư, thực hiện như sau:

a) Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

b) Phiếu thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định tại Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN.

3. Trường hợp dự án đầu tư có nội dung công nghệ phức tạp, liên quan đến nhiều ngành và có phạm vi ảnh hưởng rộng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ cần tham vấn chuyên môn thì thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;

b) Lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập.

4. Đối với trường hợp cần lấy ý kiến Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ: Cơ quan chủ trì có ý kiến về công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về kết luận, kiến nghị trước cơ quan thành lập hội đồng. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng tư vấn phải được lập thành văn bản, cụ thể như sau:

a) Biên bản họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN;

b) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Báo cáo kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN;

c) Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Báo cáo kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN.

5. Thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình và giữ bí mật thông tin liên quan đến dự án đầu tư. Ý kiến của các thành viên Hội đồng phải được lập thành văn bản, cụ thể như sau:

a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN;

b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo quy định tại Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN.

6. Đối với trường hợp cần lấy ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập: Cơ quan chủ trì có ý kiến về công nghệ gửi hồ sơ dự án đến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để lấy ý kiến về công nghệ. Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải là tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn cần tư vấn. Ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập là cơ sở giúp cơ quan chủ trì có ý kiến thẩm định về công nghệ dự án. Ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải được lập thành văn bản, cụ thể như sau:

a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Phiếu ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN;

b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Phiếu ý kiến của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BKHHCN.

Điều 11. Kinh phí thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ

1. Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư:

a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ;

b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư: Do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

2. Nội dung chi và mức chi: Áp dụng theo mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học

và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì theo dõi, tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thẩm định công nghệ và chuyển giao công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án đầu tư sử dụng công nghệ do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ; phối hợp với cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

4. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động thẩm định công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định pháp luật. Tổ chức việc xác định công nghệ, giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư.

6. Hàng năm thống kê tình hình thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Tiếp nhận hồ sơ thẩm định công nghệ từ cơ quan tiếp nhận đầu tư hoặc của chủ đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ, trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý theo quy định của Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư nằm ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quy chế này và chuyển hồ sơ dự án đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định công nghệ hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án theo quy định.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh

a) Tiếp nhận hồ sơ đề xuất đầu tư dự án hoặc hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư có nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế do chủ đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Quy chế này gửi đến và chuyển hồ sơ này đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm định công nghệ hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư dự án trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư để chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực trong hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; chấp hành đúng phương án công nghệ đã thẩm định và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi được yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đăng ký hợp

đồng chuyển giao công nghệ phải đảm bảo nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.
2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản mới.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.